

Hiệp tá đại học sĩ Ứng Bàng - Tổng đốc triều Nguyễn hết lòng vì đạo pháp

ISSN: 2734-9195

13:25 31/08/2026

Ranh giới giữa quan lại và người hộ pháp đôi khi chỉ là một, bởi với những bậc thức giả ấy, phụng sự triều đình và hộ trì Tam Bảo vốn là hai con đường cùng dẫn về một đích: sự an lạc và trường tồn của dân tộc.

Bài viết khảo cứu vai trò của Hiệp Tá Đại học sĩ, Tổng đốc trí sĩ Nguyễn Phúc Ứng Bàng (1881-1951) trong mối quan hệ với Phật giáo Huế giai đoạn cuối triều Nguyễn và đầu thế kỷ XX.

Trên cơ sở phân tích tư liệu lịch sử, gia phả Nguyễn Phúc Tộc, bi ký, các công trình nghiên cứu về Phật giáo Huế và phong trào Chấn hưng Phật giáo, bài viết làm rõ thân thế, quá trình hoạt động quan trường cũng như những đóng góp của ông đối với sự nghiệp hộ trì Tam Bảo thông qua việc tham gia An Nam Phật Học Hội, hỗ trợ tăng đoàn, trùng hưng tự viện và bảo tồn di sản Phật giáo tại kinh đô Huế.



Tôn dung Hiệp tá Đại học sĩ Ưng Bàng

Kết quả nghiên cứu cho thấy Ưng Bàng là đại diện tiêu biểu của tầng lớp hoàng thân, quan lại triều Nguyễn đã dung hòa lý tưởng nhập thế của Nho giáo với tinh thần hộ pháp của Phật giáo, góp phần duy trì và phát triển đời sống Phật giáo trong bối cảnh xã hội Việt Nam chuyển biến mạnh mẽ dưới tác động của chế độ thuộc địa. Qua trường hợp của cụ Ưng Bàng, bài viết góp phần nhận diện rõ hơn vai trò của hoàng thân quốc thích và quan lại trong tiến trình lịch sử Phật giáo Việt Nam cận đại, đồng thời bổ sung tư liệu cho việc nghiên cứu mối quan hệ giữa triều Nguyễn và Phật giáo ở kinh đô Huế.

Từ khóa: Hiệp Tá Đại học sĩ Ưng Bàng, Nguyễn Phúc Ưng Bàng, Hoàng Hóa Quận Vương, Phật giáo Huế, triều Nguyễn, An Nam Phật Học Hội, Chấn hưng

Một vị quan triều Nguyễn gắn bó với Phật giáo

Giữa bối cảnh lịch sử triều Nguyễn - giai đoạn cuối cùng của một vương triều phong kiến, tầng lớp hoàng thân quốc thích và các đại thần không chỉ nắm giữ vai trò cốt lõi trong bộ máy điều hành quốc gia mà còn là nhân tố ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa, tín ngưỡng của kinh đô Huế. Bước sang giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, dưới tác động của văn hóa phương Tây du nhập vào đất nước Việt Nam, Phật giáo đã bắt đầu tự thân vận động thông qua phong trào Chấn hưng, đây là giai đoạn chuyển biến mạnh mẽ của xã hội Việt Nam và phong trào Chấn hưng Phật giáo đứng trước nhiều biến động dữ dội của thời cuộc nước nhà.

Trong dòng chảy lịch sử đầy biến động đó, Hiệp Tá Đại học sĩ Ưng Bàng - vị Tổng đốc dưới triều Nguyễn nổi lên như một nhân vật lịch sử tiêu biểu. Với tư cách là đại thần hoàng tộc có phẩm hàm cao của triều đình vừa là một cư sĩ tiền bối hữu công hết lòng phụng sự đạo pháp, đóng vai trò làm cầu nối quan trọng giữa vương quyền và Phật giáo lúc bấy giờ.

Cụ Ưng Bàng đã có những đóng góp đáng kể trong công cuộc bảo tồn và chấn hưng Phật giáo thông qua các hoạt động hộ pháp, trùng hưng các cơ sở tự viện tại miền Trung. Việc nghiên cứu quá trình gắn bó giữa Hiệp Tá Đại học sĩ Tổng đốc trí sĩ Ưng Bàng với Phật giáo không chỉ góp phần nhận diện vai trò của giới quan lại, hoàng tộc triều Nguyễn mà còn khẳng định tầm quan trọng của tầng lớp trí thức phong kiến giàu tinh thần tín ngưỡng trong việc duy trì, phát triển đời sống Phật giáo ở kinh đô Huế thời cận đại.

Thân thế và sự nghiệp chốn quan trường của Ưng Bàng

Nếu như trong bài viết *“Hiệp tá Đại học sĩ Ưng Bàng với Phật giáo Huế”*, Tiến sĩ Trần Văn Dũng đăng trên trang thông tin điện tử Phật giáo Hà - Nam - Ninh đã giới thiệu khá chi tiết về cụ Ưng Bàng thuộc phủ Tùng Thiện Vương.

Bài viết tập trung khảo cứu về cụ Ưng Bàng thuộc phủ **Hoàng Hóa Quận Vương**. Sở dĩ cần có sự phân định rõ ràng là vì cả hai nhân vật đều có nhiều điểm tương đồng về tên gọi, năm sinh và những đóng góp đối với Phật giáo xứ Huế. Từ đó dễ dẫn đến những nhầm lẫn trong quá trình nghiên cứu lịch sử. Tuy nhiên, điểm khác biệt quan trọng giữa hai vị nằm ở phẩm hàm và năm mất.

Nếu cụ Ưng Bàng thuộc phủ Tùng Thiện Vương giữ chức Hiệp tá Đại học sĩ và mất năm 1959, thì cụ Ưng Bàng thuộc phủ Hoằng Hóa Quận Vương lại là Hiệp tá Đại học sĩ, Tổng đốc trí sĩ, qua đời vào năm 1951.

Đối chiếu tư liệu và xác định chính xác thân thế từng nhân vật là yêu cầu cần thiết khi tiếp cận lịch sử triều Nguyễn và Phật giáo Huế.

Nguyễn Phúc Ưng Bàng (1881-1951) xuất thân trong dòng dõi hoàng thân triều Nguyễn, thuộc phòng Hoằng Hóa Quận Vương của Nguyễn Phúc Tộc. Xét theo hệ thống tông phái của hoàng tộc nhà Nguyễn, ông là hậu duệ chính thống của hoàng tộc thuộc dòng thứ hai, phòng [1] thứ sáu mươi sáu của phủ Hoằng Hóa Quận Vương.

Ông nội là Thọ Xuân Vương Nguyễn Phúc Miên Định - hoàng tử thứ ba của vua Minh Mạng [2], thuộc phòng ba, hệ thứ hai [3]. Ông có 78 người con trai và 66 người con gái. Trong đó, con trai thứ 42 tên Nguyễn Phúc Hồng Du được Ngài Hoằng Hóa Quận Vương Nguyễn Phúc Miên Triện - anh em cùng cha khác mẹ với Nguyễn Phúc Miên Định, thuộc phòng 66, hệ thứ hai, nhận về làm con nuôi và thờ tự vì ông không có con trai nối dõi. Sau khi được nhận vào phòng Hoằng Hóa, Hồng Du đổi tên thành Nguyễn Phúc Hồng Hậu với bộ chữ Hán “ ” theo tên phòng của đế hệ này. Đây chế độ kế tự theo đế hệ của hoàng tộc triều Nguyễn, phản ánh quy tắc cấp bậc, tước vị trong nội bộ Nguyễn Phúc Tộc dưới thời nhà Nguyễn.

Nguyễn Phúc Ưng Bàng sinh vào năm Tự Đức thứ 34 (1881) tại phủ Hoằng Hóa Quận Vương thuộc ấp Xuân Lộc [4], thân phụ của ông là Nguyễn Phúc Hồng Hậu được Ngài Miên Triện nhận làm con nuôi kế tự. Tên gọi của ông cũng được cải đổi theo hệ chữ của phòng Hoằng Hóa là Ưng Bàng . Việc đổi tên này không chỉ mang ý nghĩa hành chính trong hệ thống tôn thất mà còn xác lập địa vị của ông trong phủ phòng Hoằng Hóa Quận Vương.



Không gian thờ tôn dung của Hiệp tá Đại học Sĩ Ưng Bàng

Theo ghi chép tác giả Thích Trung Hậu - Thích Hải Ấn viết trong cuốn *Chư Tôn thiên đức và cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa tập 1* cho rằng con đường quan nghiệp của Ưng Bàng trải qua nhiều giai đoạn thăng tiến liên tục: “Năm 1902 làm thư ký tòa sứ, được phong tước Hoằng Hóa huyện hầu năm 1909 và giữ chức Chánh sứ ở Phụng Hồ năm 1911. Năm 1917 làm quan Tham Tá Lý bộ Lễ. Năm 1919 giữ chức Tham Tri Bộ Binh kiêm nhiệm chức Binh Mã sứ ở Hộ Thành. Năm 1926, đã từng kiêm nhiệm chức Tả Tôn chánh ở Tôn Nhơn phủ rồi được thăng chức Tuân Vũ tỉnh Bình Thuận năm 1929. Năm 1930, giữ chức Tổng

Đốc tỉnh Bình Định”.

Bước sang tháng Giêng năm Bảo Đại thứ 8 (1933), ông kiêm thêm chức Đại thần phủ Tôn Nhơn, qua đó ngày càng củng cố vị thế trong hệ thống quan chế triều đình. Cho đến năm Bảo Đại thứ 11 (1936), ông được ban hàm Hiệp tá Đại học sĩ rồi về trí sĩ [5], khép lại một hành trình làm quan trải dài qua nhiều triều vua. Nhìn lại thân thế và quá trình hoạt động của Nguyễn Phúc Ưng Bàng, có thể nhận thấy rằng đây là một nhân vật tiêu biểu của tầng lớp hoàng thân - đại thần cuối triều Nguyễn.

Cuộc đời ông không chỉ phản ánh rõ nét đặc điểm của giới quan lại xuất thân từ hoàng tộc trong bối cảnh chuyển biến sâu sắc của xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, mà còn cho thấy vai trò không thể phủ nhận của các chi hệ Nguyễn Phúc Tộc trong đời sống phủ đệ [6].

Cụ Ưng Bàng - Từ quan trường đến đạo nghiệp: Mối giao hòa giữa thế sự và Phật Pháp

Sinh trưởng trong hoàng tộc triều Nguyễn, ông được tiếp cận nền gia giáo nghiêm cẩn theo khuôn mẫu Nho học cung đình Huế. Một hệ thống giáo dục đặc thù đề cao các giá trị trung quân ái quốc, hiếu nghĩa, lễ nghi và tinh thần trách nhiệm đối với quốc gia xã tắc. Môi trường học thuật và văn hóa mà ông được đào tạo không chỉ dừng lại ở việc tiếp thu kinh điển Nho gia, mà còn phản ánh đặc trưng của kinh đô Huế với tư cách là trung tâm văn hóa - chính trị của vương triều, nơi Nho giáo, Phật giáo và văn hóa cung đình triều Nguyễn cùng tồn tại và giao thoa trong tinh thần phức hợp. Chính nền tảng học vấn và môi trường văn hóa đặc thù đó đã tác động sâu sắc đến sự hình thành nhân cách và tư tưởng của ông. Về phương diện hành đạo, điều này thể hiện rõ qua khuynh hướng kết hợp giữa bốn phận của người làm quan, với các yêu cầu về liêm chính, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với triều đình và tinh thần hộ trì Phật pháp. Sự dung hợp này thể hiện một tư tưởng khá phổ biến trong tầng lớp trí thức - quan lại triều đình nhà Nguyễn, vốn thường tiếp cận Phật giáo như một hệ giá trị bổ sung và không mâu thuẫn với đạo lý Nho gia.

Theo suốt chiều dài tồn tại của vương triều Nguyễn (1802-1945), Phật giáo duy trì một vị thế đặc biệt trong đời sống tinh thần của người dân Huế - vừa hiện diện ở tầng lớp cao nhất là cung đình, vừa thấm sâu vào sinh hoạt tín ngưỡng của dân gian. Mặc dù Nho giáo được xác lập làm hệ tư tưởng chính thống của triều đình, chi phối toàn bộ hệ thống chính trị, giáo dục và lễ nghi, nhưng Phật giáo không vì thế mà bị đẩy ra ngoài đời sống văn hóa - tâm linh hoàng tộc.

Ngược lại, không ít vị hoàng đế triều Nguyễn đã thể hiện sự sùng tín Phật giáo một cách sâu sắc và có hệ thống, duy trì mối quan hệ gắn bó với các tự viện và tăng sĩ. Nhiều vị vua triều Nguyễn như Vua Gia Long, Vua Minh Mạng, Vua Thiệu Trị hay Vua Tự Đức đều có những hình thức bảo trợ nhất định đối với Phật giáo thông qua việc ban sắc tứ chùa chiền, trùng tu tự viện, cấp ruộng hương hỏa hoặc tham gia các nghi lễ cầu quốc thái dân an.

Chính sách của triều đình đối với Phật giáo nhìn chung mang tính dung hòa: vừa kiểm soát tăng đoàn nhằm bảo đảm ổn định xã hội, vừa thừa nhận vai trò của Phật giáo như một nền tảng đạo đức góp phần đoàn kết cộng đồng và ổn định lòng dân. Trong môi trường văn hóa ấy, tầng lớp hoàng thân và quan lại triều Nguyễn thường có mối liên hệ mật thiết với Phật giáo.

Đối với Cụ Ưng Bàng, niềm kính ngưỡng Tam Bảo có thể được xem là kết quả của cả truyền thống gia giáo hoàng tộc lẫn tác động của bối cảnh lịch sử đầy biến động ở giai đoạn cuối triều Nguyễn. Là một đại thần trưởng thành trong thời kỳ đất nước đối diện nhiều biến chuyển về chính trị và xã hội, ông không chỉ tiếp nhận tư tưởng trung quân, ái quốc của Nho giáo, mà còn tìm thấy nơi Phật giáo một điểm tựa tinh thần giúp nuôi dưỡng đời sống nội tâm và lý tưởng đạo đức.

Sự kết hợp giữa trách nhiệm nhập thế của người làm quan với tinh thần từ bi, hộ quốc an dân của đạo Phật đã góp phần hình thành nơi ông một khuynh hướng hành đạo mang tính nhập thế đặc trưng của giới cư sĩ Phật tử tại gia thời Nguyễn.

Hiệp Tá Đại Học Sĩ Tổng đốc trí sĩ Ung Bàng và tinh thần hộ trì Tam Bảo

Phủ đệ của tầng lớp hoàng thân quý tộc triều Nguyễn không đơn thuần là nơi sinh hoạt thường nhật mà còn là một thế giới văn hóa - tâm linh thu nhỏ, nơi phản chiếu nhân cách và địa vị của chủ nhân: *“đến một ngày, những ông hoàng, bà chúa ấy trở thành người thiên cổ, khi ấy, tòa chính đường trong phủ, nơi trú tất cả của các ông hoàng, bà chúa lúc sinh thời, trở thành nơi thờ tự vong linh của chính họ”* [7] đã phản ánh thế giới quan vốn là nơi sinh hoạt lúc sinh thời được chuyển hóa thành không gian thờ tự tổ tiên. Đối với Ung Bàng, phủ đệ của ông mang đậm dấu ấn của không gian thẩm nhuần tinh thần Phật giáo - điều này hiện diện ngay trong cách bài trí không gian thờ tự.

Bàn thờ Phật được thiết lập trang nghiêm, trước các án thờ tổ tiên, một trật tự không chỉ mang tính nghi lễ mà còn hàm chứa chiều sâu, khi đức tin được đặt

làm nền tảng cho truyền thống uống nước nhớ nguồn, nhớ về nguồn cội tổ tiên.

Việc duy trì một không gian thờ phụng Phật giáo trong phủ đệ rất phổ biến và được thừa nhận trong hoàng tộc. Thể hiện sự gắn bó sâu sắc của giới hoàng thân triều Nguyễn đối với Phật giáo, đồng thời cho thấy sự kế thừa liên tục của truyền thống văn hóa tâm linh cung đình dưới triều Nguyễn.



Toàn cảnh không gian thờ cụ Ưng Bàng trong phủ đệ tọa lạc 26 Tô Hiến Thành, Thành Phố Huế.

Năm 1932, ông chính thức tham gia hoạt động trong An Nam Phật học Hội, hành trình hộ pháp của cụ Ưng Bàng không phải là sự dẫn thân đơn độc của

một cá nhân, mà được nâng đỡ và tiếp sức bởi sự tham gia tích cực của các thành viên trong gia tộc như: “Cụ Ứng Dinh, Ứng Bình cùng với Ni trưởng Diệu Không lập một Ban vận động để mua lại sở đất của cụ Nguyễn Đình Hiến tọa lạc tại thôn Bình an, xã Dương Xuân Hạ, huyện Hương Thủy **[8]** để lập ngôi Ni tự Diệu Đức” **[9]**, một hành động thiết thực cho thấy tinh thần hộ pháp không chỉ dừng lại ở đức tin cá nhân mà đã được chuyển hóa thành hành trình chung của cả gia tộc.

Ông cũng được ghi nhận là người đồng hành cùng Chư tôn Hòa thượng trong các hoạt động Phật sự của Phật giáo tại Huế: “Năm Nhâm Thân (1932), Thiền sư Giác Tiên và Thiền sư Tịnh Khiết, phái cụ Ứng Bàng và Ni Diệu Không mượn chùa Từ Đàm lập cơ sở cho Ni chúng Nam Bắc về tu học” **[10]** minh chứng về sự tin tưởng của Chư tôn Hòa thượng dành cho cụ Ứng Bàng. Năm 1936, cụ Ứng Bàng về trí sĩ và từ đó đến năm 1940 làm Hội trưởng Hội đồng Tôn Tương tế.

Năm 1941, làm Trị sự trưởng Tổng trị sự của Hội An Nam Phật học. Việc Nguyễn Phúc Ứng Bàng đảm nhiệm chức Trị sự trưởng Tổng trị sự Hội An Nam Phật học không chỉ phản ánh uy tín cá nhân của ông mà còn cho thấy xu hướng hợp tác giữa giới tăng sĩ và tầng lớp trí thức Nho học trong phong trào Chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX. Đây là đặc điểm nổi bật của Phật giáo Việt Nam giai đoạn này khi nhiều cư sĩ trí thức giữ vai trò kết nối nguồn lực xã hội với hoạt động hoằng pháp và giáo dục Phật giáo [11].

Trong bối cảnh lịch sử của phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX, khi các nhân sĩ trí thức và giới hoàng tộc Huế đóng vai trò quan trọng trong việc vận động phục hưng đời sống Phật giáo cả về mặt tổ chức lẫn vật chất, sự đóng góp của gia đình cụ Ứng Bàng mang ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi công đức cá nhân. Việc các hoàng thân và gia quyến của họ tham gia tài trợ trùng tu các ngôi chùa lịch sử tại Huế không chỉ là hành động tín ngưỡng mà còn là sự khẳng định vai trò bảo trợ văn hóa của tầng lớp hoàng tộc đối với di sản Phật giáo xứ Huế trong một giai đoạn mà thiết chế vương triều đang dần suy yếu trước sức ép của chế độ thuộc địa.

Trường hợp của Nguyễn Phúc Ứng Bàng có nhiều điểm tương đồng với các cư sĩ hoàng tộc nổi tiếng như Ứng Bình Thúc Giạ Thị, Ứng Dinh hay Ni trưởng Diệu Không khi đều tham gia tích cực vào phong trào Chấn hưng Phật giáo tại Huế. Tuy nhiên, điểm khác biệt của cụ Ứng Bàng là ông từng giữ chức Tổng đốc và Hiệp Tá Đại học sĩ, nhờ đó có điều kiện huy động nguồn lực của giới quan lại và hoàng thân cho hoạt động hộ pháp. Theo các tư liệu bi ký được khắc tại chùa Diệu Hỷ [12], nơi tên tuổi của các thành viên trong gia tộc cụ Ứng Bàng xuất hiện trong lược sử của chùa với vai trò là trùng tu, thỉnh các pháp khí và tượng

khí về lại cho chùa Diệu Hỷ.

Từ góc độ sử liệu học, văn bia chùa Diệu Hỷ có giá trị như một nguồn tư liệu gốc giúp kiểm chứng sự tham gia trực tiếp của gia đình Nguyễn Phúc Ưng Bàng trong hoạt động trùng tu tự viện. Khác với các tư liệu hồi ký hay truyền khẩu, bi ký là nguồn tư liệu đương thời có độ tin cậy cao, phản ánh khá chính xác tên tuổi, chức tước và hình thức cúng dường của các nhân vật lịch sử.

Vì vậy, sự xuất hiện của tên cụ Ưng Bàng và các thành viên trong gia tộc trên văn bia là minh chứng quan trọng bổ sung cho các thư tịch Phật giáo về vai trò hộ pháp của tầng lớp hoàng thân triều Nguyễn.

Nguồn tư liệu điền dã này cho thấy sự hiện diện thực chứng của gia đình ông trong công cuộc bảo trợ Phật giáo tại kinh đô. Nhìn từ góc độ nghiên cứu lịch sử, vai trò của gia đình và phủ đệ trong đời sống Phật giáo của Ưng Bàng minh chứng cho một mô hình hộ pháp đặc thù của tầng lớp hoàng thân triều Nguyễn: đức tin không bị giam hãm trong không gian riêng tư mà được biểu hiện và thực hành trong mối tương tác chặt chẽ với chùa, tăng đoàn và xã hội; rộng lớn hơn là đã tạo nên một mắt xích quan trọng trong sợi dây liên kết giữa hoàng tộc, Phật giáo và văn hóa xứ Huế qua các thế hệ.

Hiệp Tá Đại Học Sĩ Tổng đốc trí sĩ Ưng Bàng là hiện thân tiêu biểu của sự dung hợp nhuần nhuyễn giữa tư tưởng Nho học và tinh thần Phật học trong đời sống tinh thần của tầng lớp quan lại hoàng tộc. Trong nhận thức của tầng lớp quan lại đương thời, việc bảo hộ tự viện, trợ duyên cho tăng sĩ hay tham gia các Phật sự không đối lập với trách nhiệm chính trị, mà trái lại còn thể hiện lý tưởng đạo đức của người trị quốc. Nếu Nho học hun đúc nơi ông ý thức trách nhiệm với quốc gia, xã tắc và triều đình, thì Phật Pháp lại thắp sáng đời sống nội tâm bằng ngọn lửa từ bi, hướng thiện và tâm nguyện phụng sự chúng sinh.

Chính sự hòa quyện ấy đã tạc nên chân dung một vị đại thần vừa tận trung báo quốc, vừa một lòng hộ trì Tam Bảo, xem việc bảo vệ và trao truyền các giá trị Phật giáo như một phần không thể tách rời trong trách nhiệm với văn hóa dân tộc. Mặc dù Nho giáo giữ vị trí chính thống trong hệ tư tưởng nhà Nguyễn, song triều đình chưa bao giờ phủ nhận vai trò của Phật giáo.

Ngược lại, nhiều chính sách của các vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức đều thể hiện xu hướng bảo hộ có chọn lọc đối với Phật giáo thông qua việc sắc tứ chùa chiền, cấp ruộng hương hỏa và tổ chức các nghi lễ cầu quốc thái dân an. Chính môi trường chính trị ấy đã tạo tiền đề để nhiều hoàng thân như Nguyễn Phúc Ưng Bàng tiếp tục phát huy truyền thống hộ pháp trong giai đoạn cuối triều Nguyễn.

Vượt ra ngoài đức tin cá nhân, những cống hiến của cụ Ưng Bàng còn phản chiếu vai trò của giới hoàng thân quan lại trong việc duy trì mạch sống Phật giáo cung đình như chiếc cầu nối linh thiêng giữa triều đình với giới tăng sĩ, giữa quyền lực thế tục với ánh sáng tâm linh, góp phần gìn giữ những giá trị văn hóa sâu thẳm của đất kinh kỳ Huế.

Nhìn từ góc độ lịch sử và văn hóa, hình ảnh cụ Ưng Bàng là minh chứng rõ ràng về Phật giáo dưới triều Nguyễn không đứng ngoài lề đời sống chính trị, xã hội, mà hiện diện như một nền tảng đạo đức vững chắc; âm thầm ổn định nhân tâm, bồi đắp bản sắc và nuôi dưỡng hồn cốt văn hóa truyền thống. Bởi vậy, ông xứng đáng được tôn vinh là biểu tượng của mẫu hình quan lại triều Nguyễn gắn bó sâu nặng với Đạo pháp, qua đó góp thêm một trang sử đẹp vào diện mạo Phật giáo Việt Nam thời cận đại.

Kết luận

Hiệp Tá Đại Học Sĩ Ưng Bàng là hình ảnh tiêu biểu của tầng lớp quan lại hoàng tộc biết dung hòa trách nhiệm chính trị với tinh thần phụng sự Đạo pháp, như một dấu gạch nối giữa hai thế giới triều đình và thiền môn, quyền lực và từ bi, trách nhiệm thế tục và nguyện ước tâm linh. Đối với ông, Phật giáo không chỉ là nơi nương tựa tâm linh cá nhân mà còn là nền tảng đạo đức góp phần ổn định xã hội, giáo hóa nhân tâm và giữ gìn cội nguồn văn hóa dân tộc.

Thông qua mối quan hệ mật thiết với giới tăng sĩ và các tự viện tại kinh đô Huế, Ưng Bàng đã góp phần duy trì không gian sinh hoạt Phật giáo trong giới hoàng thân, đồng thời bảo tồn những giá trị văn hóa Phật giáo cung đình vốn gắn bó sâu sắc với đời sống triều Nguyễn - sự hưng thịnh của Đạo pháp không tách rời sự vững bền của xã tắc.

Tinh thần hộ trì Tam bảo của ông phản ánh quan niệm “hộ quốc an dân” mang màu sắc truyền thống phương Đông, trong đó việc bảo vệ đạo lý và đời sống tinh thần của cộng đồng được xem là một phần của trách nhiệm trị quốc. Ranh giới giữa quan lại và người hộ pháp đôi khi chỉ là một, bởi với những bậc thức giả ấy, phụng sự triều đình và hộ trì Tam Bảo vốn là hai con đường cùng dẫn về một đích: sự an lạc và trường tồn của dân tộc.

Hình ảnh cụ Ưng Bàng không chỉ đại diện cho một vị đại thần tận tụy với triều đình mà còn tiêu biểu cho mẫu hình quan lại triều Nguyễn gắn bó với đời sống tâm linh dân tộc, xem sự hưng thịnh của Đạo pháp như một minh chứng về chiều sâu văn hóa và nền tảng đạo đức của triều đại nhà Nguyễn.

Tác giả: **Lý Thanh Nhi (Thích nữ Như Ý Châu)**

Tài liệu tham khảo:

- 1] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 1-10, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- 2] Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Viện Sử học dịch, Nxb Lao động, Hà Nội.
- 3] Tôn Thất Cồn (1943), *Hoàng Tộc lược biên*, Nxb Imprimerie Nguyễn Văn Của, Sài Gòn.
- 4] Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I-III, Nxb Văn học, Hà Nội.
- 5] Phan Thuận An (2005), *Huế xưa*, Nxb Thuận Hóa.
- 6] Phan Thuận An (2007), *Kinh thành Huế*, Nxb Thuận Hóa.
- 7] Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc (1996), *Nguyễn Phúc Tộc thế phả*, Nxb Thuận Hóa - Huế.
- 8] Thích Hải Ấn - Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.
- 9] Trần Đức Anh Sơn (2016), *Kiểu Huế*, Nxb Văn hóa - văn nghệ.
- 10] Thích Trung Hậu - Thích Hải Ấn (2011), *Chư Tôn thiền đức và cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa tập 1*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

Chú thích:

- [1] Theo *Hoàng Tộc lược biên* của Tôn Thất Cồn, trong hoàng tộc chia ra thành từng phòng, từng hệ, mỗi hệ gồm nhiều hay ít phòng tùy theo vị vua ấy sanh được nhiều hay ít con trai.
- [2] Các Hoàng tử con Vua Minh Mạng đều dùng bộ Miên ☐
- [3] Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc (1996), *Nguyễn Phúc Tộc thế phả: Thủy Tổ phả - Vương phả - Đế phả*, Nxb Thuận Hóa - Huế, tr. 440 - 441.
- [4] Nay là phường Phú Xuân, thành phố Huế.

[5] Quan lại thời phong kiến xin hoặc được vua cho phép về hưu (thôi làm quan).

[6] Là nơi ở của các vương tôn, hoàng tử và công chúa thời Nguyễn.

[7] Trần Đức Anh Sơn (2016), *Kiểu Huế*, Nxb văn hóa – văn nghệ, tr. 49.

[8] Nay là phường Thuận Hóa, Thành phố Huế.

[9] Thích Trung Hậu - Thích Hải Ấn, Sđd, tr.662.

[10] Thích Hải Ấn – Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, tr. 386.

[11] Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập III, Nxb Văn học, 2000, tr. 765–780.

[12] Chùa tọa lạc tại 28 Tô Hiến Thành, phường Phú Xuân, Thành phố Huế.